

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và ông Nguyễn Quang Nhã
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký TAND huyện Lệ Thủy.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022; tại trụ sở, TAND huyện Lệ Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 30/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C; địa chỉ: Số 108 Tr, quận H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Lê Thu Đ – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh Q; đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trung T - Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh Q (Giấy ủy quyền số 1113/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/9/2021); địa chỉ: Số 50 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Đồng bị đơn:*

Ông Võ Đình Đ, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu dân cư số 9, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2021, trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 04/6/2019, Phòng giao dịch L - Chi nhánh Quảng Bình - Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (gọi tắt là V) và ông Võ Đình Đ, bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 2325/2019/HĐCVHM/NHCT470, nội dung:

Viettinbank cho ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên (theo giấy nhận nợ là ngày 27/3/2020), mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi trang trại. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 8%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ khoản vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã ký kết với Viettinbank hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC, ngày 03/6/2019 ký kết văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC. Tài sản thế chấp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B 999435, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 07937QSDĐ/164QĐ/UB-LT do UBND huyện Lệ Thủy cấp ngày 07/11/1992 (ông Đ và bà H được tặng cho năm 2016), mang tên ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H tại thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Trong suốt thời gian vay vốn, ông Đ và bà H chỉ trả được một phần số tiền gốc 1.983.850 đồng và lãi đến hạn theo hợp đồng vay số tiền 37.194.521 đồng. Từ ngày 28/9/2020 khoản vay đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng ông Đ và bà H không thực hiện nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn theo quy định. V đã đôn đốc, gửi các thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu ông Đ và bà H trả nợ nhưng ông Đ và bà H không thực hiện như đã cam kết. Ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp đã ký kết với V, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.196.601.288 đồng, gồm nợ gốc là 998.016.150 đồng, lãi trong hạn 134.483.422 đồng, lãi quá hạn 64.101.716 đồng, tạm tính đến ngày 30/3/2022.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho V số tiền 1.223.225.072đ (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 998.016.150đ (Chín trăm chín mươi tám triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm năm mươi đồng), lãi trong hạn 157.374.906đ (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm linh sáu đồng), lãi quá hạn 67.834.016đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười sáu đồng) và thanh toán khoản lãi phát sinh cho ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản của ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC ngày 03/6/2019.

Đối với đồng bị đơn ông Võ Đình Đ: Tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông Đ thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị H có vay tiền tại V, phòng giao dịch L số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 08%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn chăn nuôi trang trại nhưng không đăng ký kinh doanh. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B 999435, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 07937QSDĐ/164QĐ/UB-LT do UBND huyện Lệ Thủy cấp

ngày 07/11/1992, mang tên Võ Đình Đ và Nguyễn Thị H tại thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Quá trình vay vốn đã trả được một số tiền, sau đó do vợ chồng lục đục nên không trả nợ cho ngân hàng theo cam kết, đến ngày 28/9/2020 khoản vay bị chuyển nợ quá hạn. Bản thân ông Đ hoàn toàn hợp tác với ngân hàng để xử lý nợ nhưng do bà H không hợp tác, vợ chồng ly hôn và bà Hoài bỏ đi khỏi địa phương vào làm việc ở huyện C, tỉnh B; ông Đ đã nhiều lần vận động, thuyết phục bà H về giải quyết dứt điểm khoản vay nhưng không có kết quả, một mình ông Đ không thể trả nợ cho ngân hàng được. Ông Đ thừa nhận đến ngày 28/6/2022, ông và bà H còn nợ ngân hàng V số tiền 1.223.225.072 đồng, trong đó tiền gốc là 998.016.150 đồng, lãi 225.208.022 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý để thu hồi nợ.

Đối với đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến bị đơn hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt. Hiện tại, bà Nguyễn Thị H đang giảng dạy tại Trường Tiểu học C, số 06 Ph, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; cư trú tại khu dân cư số 9, huyện C, tỉnh B. Tại đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt đề ngày 17/5/2022, bà Nguyễn Thị H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án. Về việc giải quyết vụ án, bà H đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2022, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Đ có vay 300.000.000 đồng tại ngân hàng V, chi nhánh Quảng Bình để trả nợ cho ông Đ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông Võ Đình Đ và Nguyễn Thị H, cụ thể số sổ bao nhiêu bà H không nhớ. Bà H và ông Đ ly hôn năm 2021, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H đồng ý giao cho ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp để trả nợ ngân hàng V, chi nhánh Quảng Bình số tiền 1.196.601.288 đồng, gồm nợ gốc là 998.016.150 đồng, lãi trong hạn 134.483.422 đồng, lãi quá hạn 64.101.716 đồng, tạm tính đến ngày 30/3/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, đồng bị đơn Nguyễn Thị H không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, các điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân

dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền nợ tổng cộng là 1.223.225.072 đồng, trong đó nợ gốc là 998.016.150 đồng, lãi trong hạn 157.374.906 đồng, lãi quá hạn 67.834.016 đồng, tính đến ngày 28/6/2022.

Trường hợp ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC ngày 03/6/2019 được ký kết giữa ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Quảng Bình, phòng giao dịch L.

Về án phí: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; tại thời điểm vay, địa chỉ cư trú của đồng bị đơn theo hợp đồng tín dụng tại xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, tuy nhiên chỉ có đồng bị đơn là ông Võ Đình Đ có mặt, bà Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt; do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoài theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2325/2019/HĐCVHM/NHCT470 ngày 04/6/2019 giữa V với ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H, các giấy nhận nợ, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của ông Võ Đình Đ (mặc dù tại biên bản lấy lời khai, bà H trình bày bà và ông Đ chỉ vay 300.000.000 đồng), Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã được V cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 8% năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/lần, thanh toán lãi hàng tháng; mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi trang trại (ông Đ và bà H không đăng ký kinh doanh), hình thức vay: Có thế chấp tài sản; thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ

được tính từ ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên đến ngày bên vay phải trả nợ toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ theo mẫu của bên cho vay nhưng tối đa không quá 06 tháng. Ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã trả nợ gốc 1.983.850 đồng và lãi trong hạn số tiền 37.194.521 đồng. Đến kỳ trả gốc và lãi tiếp theo vào ngày 28/9/2020, ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn. Ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ đã cam kết tại hợp đồng cho vay hạn mức số 2325/2019/HĐCVHM/NHCT470 ngày 04/6/2019; các giấy nhận nợ ngày 27/3/2020 và 03/6/2020.

Xét nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức, các giấy nhận nợ ngày 27/3/2020 và 03/6/2020 phù hợp quy định của pháp luật. Sau khi được cấp tín dụng, ông Đ và bà H đã thanh toán cho V một phần tiền gốc và tiền lãi trong hạn; kể từ ngày 28/9/2020, ông Đ và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, V đã đôn đốc, gửi các thông báo yêu cầu ông Đ và bà H trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng nhưng ông Đ và bà H không thực hiện. Ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 3 của hợp đồng cho vay hạn mức; các giấy nhận nợ ngày 27/3/2020 và 03/6/2020 được hai bên ký kết. Vì vậy, V yêu cầu ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2325/2019/HĐCVHM/NHCT470 ngày 04/6/2019 với tổng số tiền là 1.223.225.072 đồng, trong đó nợ gốc là 998.016.150 đồng, lãi trong hạn 157.374.906 đồng, lãi quá hạn 67.834.016 đồng, tính đến ngày 28/6/2022 và thanh toán khoản lãi phát sinh cho ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay là có căn cứ, phù hợp các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Để đảm bảo khoản tiền vay giữa ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H đã ký kết với V hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC ngày 03/6/2019. Tài sản thế chấp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B 999435, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 07937QSDĐ/164QĐ/UB-LT do UBND huyện Lệ Thủy cấp ngày 07/11/1992 (ông Đ và bà H được tặng cho năm 2016), mang tên ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H tại thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Trường hợp ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, thì V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp và hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết nêu trên để thu hồi vốn cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C, buộc ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền nợ tổng cộng là 1.223.225.072đ (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 998.016.150đ (Chín trăm chín mươi tám triệu không trăm mười sáu nghìn một trăm năm mươi đồng), lãi trong hạn 157.374.906đ (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm linh sáu đồng), lãi quá hạn 67.834.016đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười sáu đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2022) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 2325/2019/HĐCVHM/NHCT470 ngày 04/6/2019; các giấy nhận nợ ngày 27/3/2020 và 03/6/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C với ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1401756541-DUCHOAI/HĐTC ngày 03/6/2019, được ký kết giữa ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Quảng Bình, phòng giao dịch L.

2/ Về án phí: Ông Võ Đình Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 48.696.752đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Ngân hàng thương mại cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 28.666.378 đồng đã nộp theo biên lai thu số 31AA/2021/0004386 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/6/2022); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Sơn

